

Số: 01/2026/QĐ-CBNT

(V/v: công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Hung Yên, ngày 10 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HUNG YÊN	
Kính gửi:	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 10/4/26.....
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1 Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901093546 đăng ký lần đầu ngày 12/01/2021 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/9/2025 cơ quan cấp Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở tài chính tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn Tiên Quán, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện pháp luật: **Nguyễn Nho Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0901093546

Website: <https://kiemdinhxdhungyen.com>

Điện thoại: 0982555386

Email: thinghiem386@gmail.com

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm:

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Khu đô thị Phúc Hưng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.



Điện thoại: 0982555386

Email: thinghiem386@gmail.com

Trưởng phòng thí nghiệm: **Ks. Nguyễn Nho Trung**

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 30.005 do Sở xây dựng Hưng Yên cấp tại Giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD ngày 12/01/2024 và 02/GCN-SXD ngày 19/06/2024)

1.3 Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: (Danh mục kèm theo Quyết định này)

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng: (Danh mục kèm theo Quyết định này)

2.2 Danh mục máy móc thiết bị: (Danh mục kèm theo Quyết định này)

2.3 Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: (Danh mục kèm theo Quyết định này)

2.4 Quyết định này được công bố công khai tại:

Website: <https://kiemdinhxdhungyen.com>

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Website: <https://kiemdinhxdhungyen.com>
- SXD Hưng Yên
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.
- Lưu VT

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG HƯNG YÊN**



GD: Nguyễn Nho Thịnh



DANH MỤC, CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa	
4	Xác định thành phần hạt và moodun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006;
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
12	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los-Angeles)	TCVN 7572-12:2006
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
18	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176
III	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
19	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
20	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993
21	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
22	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111: 2022
23	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022
24	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
25	Độ mài mòn	TCVN 3114: 2022
26	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115: 2022
27	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022
28	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:1993

29	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22
30	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22
31	Giới hạn bền kéo uốn dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22
32	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN239:2006
33	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
IV	Thử nghiệm vữa xây dựng	
34	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22
36	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22
37	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:22
38	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:22
39	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:22
40	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:22
41	Độ dính bám trên nền	TCVN 9349:12
V	Kiểm tra thép, kim loại, mối hàn	
42	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
43	Thử uốn	TCVN 198:2008
44	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
45	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
46	Thử kéo Bu lông, ốc vít	TCVN 1916:1995
47	Lực xiết của bu lông, vít, vít cây	TCVN 8298:2009
48	Lưới rọ đá: Xác định tại vòng xoắn tại mắt lưới	ASTM A975
49	Dây điện, dây tín hiệu: Đường kính sợi đồng, chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc, điện trở dây dẫn, thử kéo dây	TCVN 6614:2008; TCVN 6099:2007
50	Thử cấp dự ứng lực: Xác định cường độ kéo, độ giãn dài	ASTM A370
51	Xác định chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007, TCVN5878:2007
VI	Thử nghiệm cơ lý gạch	
52	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009
53	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2: 2009
54	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3: 2009
55	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009
56	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 2009
57	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009
58	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7: 2009
59	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8: 2009
60	Gạch bê tông tự chèn: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén ; độ mài mòn ; độ hút nước	TCVN 6476: 2011
61	Gạch bê tông: kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ rỗng; độ mài mòn; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477: 2016
62	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút	TCVN 9030: 2017

	nước, khối lượng thể tích khô, độ co khô	
63	Gạch Terrazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ bền uốn; xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
VII	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
64	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
65	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
66	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
67	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
68	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
69	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
70	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333-2006; TCVN 12790:2020
71	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
72	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332: 2006; TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020
73	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:01
74	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012;
75	Thí nghiệm nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011
76	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012
77	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
VIII	Thử nghiệm tại hiện trường	
78	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971
79	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006;
80	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
81	Xác định modul đàn hồi theo đo võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Belkenman	TCVN 8867:2011
82	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
83	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011
84	Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
85	Đo điện trở hệ thống chống sét công trình xây dựng, hệ thống điện	TCVN 9385:2012
86	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
87	Cọc PP thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
88	Ống Cống bê tông cốt thép: Xác định kích thước và sai lệch kích thước, cường độ chịu tải, khả năng chống thấm	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012

89	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn: Xác định cường độ bê tông, khuyết tật, kích thước và mức sai lệch cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 10797 :15
90	Thí nghiệm Bentonite : Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định	TCVN 11893 :17
91	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn	TCVN 8791:18
92	Xác định lực cường độ neo kéo cây thép, bulong	TCVN 9490:2012
93	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông – Phương pháp xung siêu âm	TCVN9396:2012
94	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
95	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016
IX	Bê tông nhựa	
96	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
97	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011
98	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
99	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
100	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
101	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
102	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
103	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
104	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 2011
105	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
106	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
107	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
108	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 μm trong cốt liệu bằng phương pháp rửa	AASHTO T11-05
109	Thí nghiệm xác định vết hằn lún bánh xe của hỗn hợp bê tông nhựa nóng	AASHTO T 324-04
110	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN10271:2014
111	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984
X		
112	Xác định độ kim lún	TCVN 7495: 2005
113	Xác định modđun đàn hồi và độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005;

114	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
115	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011
116	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 163 ^o C trong 5h	TCVN 7499:2005
117	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
118	Xác định khối lượng riêng ở 25 ^o C	TCVN 7501:2005
119	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN8818-5:2011
120	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005
121	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
122	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
123	Thí nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:2011
124	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
125	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
126	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
127	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
128	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
129	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
130	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
131	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
132	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
133	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
134	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
135	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
136	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XI	Phân tích hoá nước cho xây dựng	
137	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
138	Xác định pH	TCVN 6492:11
139	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:96
140	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ⁻²)	TCVN 6200:96
141	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
XII	Vải địa kỹ thuật – Bắc thăm	
142	Trọng lượng bắc, khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09
143	Cường độ kéo, kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11
144	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11
145	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:11
146	Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:11
147	Xác định áp lực kháng bụi, kháng xuyên	TCVN 8871-5:11
148	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11
149	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12
150	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09

151	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09
152	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp roi côn	TCVN 8484:10
153	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483:10
XIII	Thử nghiệm đá ốp, lát tự nhiên	
154	Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh	TCVN 6415:2016 TCVN 4732:2016
IVX	Thử nghiệm đá ốp, lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	
155	Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh	TCVN 6415:2016 TCVN 8057:2009
VX	Thử nghiệm gạch gốm ốp, lát	
156	Xác định kích thước và hình dáng, KLTT, KLR, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh, độ bền rạn men, độ bền sốc nhiệt, độ bền chống bám bẩn, độ va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415:2016 TCVN 6074:1995

Ghi chú: (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

TT	Danh mục thiết bị	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo, nén, uốn 1000KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
2	Máy kéo, nén, uốn 1000KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
3	Máy kéo, nén, uốn 100KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
4	Máy nén 2000KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
5	Máy nén 2000KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
6	Máy nén 2000KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
7	Máy nén 50KN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
8	Máy thử thấm bê tông	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
9	Máy thử vệt hằn lún bánh xe	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
10	Máy tạo mẫu chạy hằn lún vệt bánh xe	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
11	Máy Thử độ mài mòn bề mặt gạch men, ốp lát	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
12	Máy mài nón Los Angeles	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
13	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt		
14	Máy đo điện trở tiếp địa	Thái Lan	Còn sử dụng tốt	02	
15	Máy kiểm tra chất lượng cọc bằng PP thử động biến dạng lớn (PDA)	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt		
16	Bơm hút chân không và bình hút chân không	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt		
17	Thiết bị thử nhỏ thép cây, bu lông cây loại 30 tấn đến 60 tấn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
18	Bộ thiết bị neo, nêm kéo trọn bộ từ phi 6-phi 42	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
19	Tủ sấy 0-300°C	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	04	
20	Lò nung 1200°C	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	



21	Kích nâng thuỷ lực 300kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
22	Kích nâng thuỷ lực 320kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
23	Kích nâng thuỷ lực 400kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
24	Kích nâng thuỷ lực 600kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
25	Kích nâng thuỷ lực 1000kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
26	Kích nâng thuỷ lực 2000kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
27	Kích nâng thuỷ lực 3000kN	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
28	Đồng hồ đo lún 0-50mm	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	08	
29	Đồng hồ đo áp suất 0-60 MPa	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	06	
30	Bơm dầu thuỷ lực chạy điện	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
31	Bơm dầu thuỷ lực cơ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
32	Máy khoan rút lõi bê tông chạy bằng điện	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	03	
33	Máy khoan bắn vít	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
34	Máy phá bê tông	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
35	Máy đầm tự động mẫu Mashan bê tông nhựa	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
36	Máy đầm tự động procto (đất, cát ...)	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
37	Máy cắt bê tông	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	04	
38	Máy cắt đá	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
39	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
40	Bộ gá uốn mẫu gạch 2 điểm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
41	Khuôn lập phương 15x15x60cm,	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	12	
42	Khuôn lập phương 15x15x15cm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	30	
43	Khuôn kép 3 4x4x16 cm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
44	Bàn rung mẫu bê tông, vữa	TQ	Còn sử dụng tốt		
45	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	

46	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
47	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
48	Bộ gá nén mẫu XM 40x40	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
49	Dụng cụ VICA	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
50	Thùng hấp mẫu xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
51	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
52	Khuôn xi măng Le Chaterlier	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	08	
53	Bình tỷ trọng xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
54	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
55	Protor cải tiến + chày	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
56	Protor tiêu chuẩn+ chày	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
57	Khuôn đúc mẫu bê tông nhựa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	30	
58	Bộ sàng tiêu chuẩn ϕ k200mm	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	30	
59	Bộ sàng tiêu chuẩn ϕ k300mm	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	30	
60	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
61	Tấm kính xác định giới hạn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	05	
62	Bộ xác định đương lượng cát	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
63	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
64	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
65	Bảng màu chuẩn Model: TS101	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
66	Các phễu thủy tinh (nhựa)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
67	Các bình tỷ trọng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
68	Thước xác định hạt dài, dẹt	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
69	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	

	trường, thùng gỗ, 4 đinh gim				
70	Cát chuẩn - VN	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	100kg	
71	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
72	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
73	Thuốc phẳng 3m	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
74	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát;	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
75	Máy nén đất tam liên	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	03	
76	Máy cắt đất 2 tốc độ	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
77	Bộ thăm đất cột nước không đổi	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
78	Bộ chày đầm marshall bằng tay	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
79	Thùng ôn nhiệt	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
80	Máy ly tâm tách nhựa	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
81	Giấy lọc (100tờ/hộp)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt		
82	Mũi khoan, ống khoan	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
83	Thiết bị giãn dài nhựa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
84	Máy Thiết bị kim lún nhựa tự động	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
85	Thiết bị TN bốc cháy nhựa	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
86	Thiết bị TN hoá mềm nhựa	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
87	Thiết bị XĐ tổn thất khi nung	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
88	Kính lúp - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
89	Chén sứ chịu nhiệt - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
90	Bát sứ thí nghiệm - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
91	Chày cao su	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
92	Máy khoan địa chất công trình	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
93	Bơm chân không	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
94	Bình hút chân không	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	

95	ống cao su	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
96	Đồng hồ chỉ thị áp	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
97	Nhiệt kế thủy tinh 0 – 100 C	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
98	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300 C	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	02	
99	Nhiệt kế kim loại 0-250C	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	05	
100	Chảo trộn mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
101	Bộ cối chày bằng Đồng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
102	Pipét 10ml	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
103	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
104	Bàn cân thủy tĩnh	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
105	Rọ cân trong nước	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
106	Dao để gạt đất	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
107	Hộp ẩm bằng nhôm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
108	Ca xúc mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
109	Kích đùn mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
110	Bếp ga nhỏ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
111	Bếp ga to	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
112	Kẹp mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
113	Bộ thí nghiệm bentonite	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
114	Bộ Gá uốn thép	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
115	Chụp đế capping D150	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
116	Tấm cao su Capping D150mm dày 10mm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
117	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
118	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
119	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	

120	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
121	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
122	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
123	Bộ thí nghiệm Sơn	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
124	Cân kỹ thuật 15kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
125	Cân kỹ thuật 30kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	5	
126	Cân kỹ thuật 6kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
127	Cân kỹ thuật 1000g	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
128	Cân kỹ thuật 100g	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
129	Máy trộn bê tông, vữa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
130	Máy trộn xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
131	Bộ dụng cụ chi mẫu vật liệu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
132	Bộ công thí nghiệm nén tĩnh cọc ly tâm đường kính D300	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
133	Bộ công thí nghiệm nén tĩnh cọc ly tâm đường kính D400	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
134	Bộ thí nghiệm độ góc cạnh của cát, đá	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
135	Thuốc kẹp điện tử	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
136	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
137	Con lắc Anh	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
138	Bộ gá từ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
139	Thuốc lá kim loại	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
140	Thuốc Nivo	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
141	Dụng cụ cốc lọc	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
142	Nhớt kế Saybolt Furol, Phễu lọc	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
143	Bếp cách thủy	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	

144	Bếp cách cát	Trung Quốc	Còn sử dụng tốt	01	
145	BỂ, thùng ngâm mẫu bê tông, gạch, vữa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
146	Khay đựng mẫu bằng nhựa+ tôn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
147	Khuôn 30x30x5 chế tạo mẫu BTN chạy hần lún	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
148	Khuôn số 8 chạy mẫu hần lún BTN hiện trường	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
149	Bộ thiết bị ngâm kẹp, xuyên thủng, CBR vải địa kỹ thuật	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
150	Máy phô tô A2-A5	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
151	Máy tính, máy in	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
152	Bàn gỗ, bàn nhựa phục vụ trong quá trình thí nghiệm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	05	

- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm, đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định, chu kỳ
- Ngoài các thiết bị liệt kê trên còn hệ thống máy móc thiết bị chuyên dụng khác.



DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty
TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)



TT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Ghi chú
01	Nguyễn Nho Thịnh	Giám đốc công ty	Giám đốc công ty - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng.	
02	Nguyễn Nho Trung	Trưởng phòng TN	Trưởng phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
03	Nguyễn Văn Trường	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
04	Nguyễn Thị Mến	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
05	Đình Văn Quân	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
06	Lê Thị Hương	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
07	Ngô Quang Trường	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
08	Phạm Hữu Dũng	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	
09	Phạm Minh Nguyên	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng và hiện trường	

DANH MỤC

TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ĐANG HOẠT ĐỘNG TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HƯNG YÊN

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty
TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)



STT	Dự án	Địa điểm	Ghi chú
01	Phòng thí nghiệm hoạt động hiện trường: Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh-Green city	Phường Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	